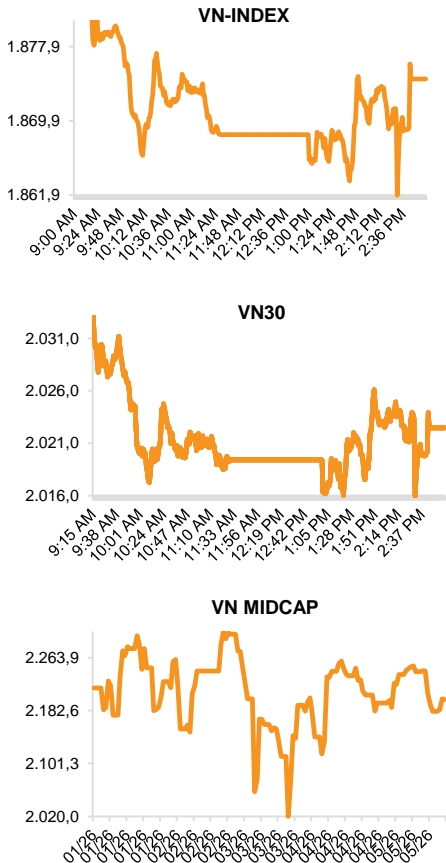


KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.874,4	282,2	126,1
1 ngày (%)	-0,5	1,5	0,0
1 tháng (%)	1,1	12,0	-1,1
Từ 2026	5,0	13,5	4,2
1 năm (%)	39,9	27,3	28,5
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	335	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,9	1,3	0,3
Số mã tăng	142	57	110
Số mã giảm	176	74	119
Số mã tham chiếu	85	163	510

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 0,5%, khối ngoại duy trì bán ròng

Phiên giao dịch ngày 27/5/2026 ghi nhận VN-Index tiếp tục điều chỉnh trong bối cảnh áp lực bán tập trung tại nhóm Bất động sản và Công nghệ. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.874,4 điểm, giảm 9,8 điểm (-0,5%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 140 mã tăng (3 mã trần), 172 mã giảm (2 mã sàn) và 49 mã đứng giá. HNX-Index duy trì xu hướng tích cực, tăng lên 282,2 điểm (+1,5%).

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.022,5 điểm (-0,3%), với 11 mã tăng và 19 mã giảm. Tám trong 19 nhóm ngành ghi nhận mức tăng. Viễn thông dẫn đầu với 1,8%, tiếp theo là Dịch vụ bán lẻ (1,1%), Xây dựng & Vật liệu (0,9%) và Ngân hàng (0,5%). Ở chiều ngược lại, Bất động sản chịu áp lực lớn nhất với mức giảm 1,6%, kéo theo VHM giảm 4,2% và VIC giảm 1,0%; sau đó là Công nghệ (-1,0%), Dầu khí (-0,9%) và Hóa chất (-0,6%).

Thanh khoản HoSE đạt 17,9 nghìn tỷ đồng, tăng 17,1% so với phiên giao dịch trước, tiếp tục thấp hơn trung bình 20 phiên gần nhất. Khối ngoại bán ròng đạt 818,7 tỷ đồng, nối dài 9 phiên bán ròng liên tiếp. Đáng chú ý, MSB đảo chiều từ vị thế bị bán ròng sang mua ròng 104,0 tỷ đồng, cùng với MWG (56,8 tỷ đồng) và ACB (56,7 tỷ đồng). VHM dẫn đầu chiều bán ròng với 220,2 tỷ đồng, theo sau bởi HPG (140,7 tỷ đồng), VIC (101,8 tỷ đồng) và FPT (82,9 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm cho thấy đà phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,3	182,6	3,7	-1,2	2,4	-4,8	11,0	29,5
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,8	19,8	4,9	-0,1	-2,8	-10,0	8,9	12,6
Năng lượng	2,5	15,4	1,9	-0,9	7,6	52,1	109,3	18,0
Tài chính	37,6	12,1	1,8	0,3	3,2	4,9	28,0	29,1
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,4	2,4	-0,2	-1,5	-5,9	-0,8	13,1
Công nghiệp	7,0	23,5	4,2	0,2	0,1	-6,1	25,5	22,5
Công nghệ thông tin	1,6	13,2	3,1	-1,0	-0,2	-20,8	-24,3	71,7
Vật liệu xây dựng	5,8	18,6	1,8	-0,4	-1,2	10,4	17,6	34,8
Bất động sản	29,9	94,2	7,6	-1,7	0,3	18,1	239,8	90,0
Dịch vụ tiện ích	3,9	14,6	2,3	-0,1	3,2	9,4	21,8	40,1

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Chỉ số Dallas Fed tháng 5 phục hồi lên 0,4 điểm từ mức -2,3 điểm, phản ánh sự cải thiện nhẹ trong hoạt động sản xuất dù bất ổn kinh doanh và chi phí đầu vào vẫn gia tăng. Trong khi đó, chỉ số niềm tin tiêu dùng CB giảm xuống 93,1 điểm (tháng 4: 93,8 điểm), cho thấy tâm lý người tiêu dùng suy yếu nhẹ do lo ngại về việc làm và lạm phát, qua đó phản ánh xu hướng thận trọng hơn trong chi tiêu.
- **Trung Quốc:** Lợi nhuận công nghiệp lũy kế 4 tháng đầu năm 2026 tăng 18,2% svck, và tăng tốc so với mức 15,5% của Q1/26. Riêng tháng 4, lợi nhuận công nghiệp tăng mạnh 24,7% svck – mức cao nhất kể từ tháng 11/2023, phản ánh đà phục hồi sản xuất tiếp tục cải thiện nhờ nhu cầu công nghiệp và xuất khẩu công nghệ cao.
- **Nhật Bản:** Đồng JPY dao động quanh mức 159,29 JPY/USD, tiệm cận ngưỡng can thiệp 160 của chính phủ Nhật Bản. Trong khi đó, Thống đốc Kazuo Ueda cảnh báo cú sốc giá dầu từ Trung Đông có thể kéo dài và lan sang tiền lương, kỳ vọng lạm phát, qua đó củng cố kỳ vọng NHTW Nhật Bản nâng lãi suất trong tháng 6.
- **Hàng hóa:** Giá dầu Brent giảm 1,43% xuống 98,16 USD/thùng, giảm đà tăng gần 4,0% của phiên trước khi thị trường đánh giá lại triển vọng đàm phán Mỹ-Iran. Kỳ vọng eo biển Hormuz sớm mở lại tiếp tục hỗ trợ triển vọng nguồn cung dầu toàn cầu.

Tin vĩ mô trong nước

- Giải ngân đầu tư công đến ngày 14/5/2026 đạt 166.018 tỷ đồng, tương ứng 16,4% kế hoạch Thủ tướng giao, tăng mạnh so với mức 12,2% vào giữa tháng 4. Dù tiến độ giải ngân đã cải thiện nhờ áp lực điều hành từ Chính phủ, bức tranh vẫn phân hóa mạnh giữa các địa phương.
- Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu Hà Nội đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và khoa học công nghệ, hướng tới mục tiêu tăng trưởng trên 11%. Đồng thời nhấn mạnh yêu cầu “dám thí điểm, đổi mới mạnh mẽ” để nâng cao quản trị đô thị và hiệu quả bộ máy hành chính.
- Chuyến thăm Thái Lan của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm (27–29/5/2026) thúc đẩy làm sâu sắc quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện, tập trung mở rộng thương mại, đầu tư và liên kết chuỗi cung ứng, đồng thời đẩy mạnh các lĩnh vực mới như chuyển đổi số, kinh tế xanh và năng lượng tái tạo.

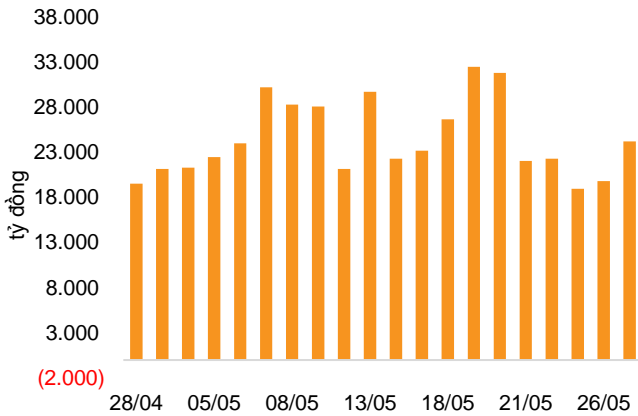
Tin ngành và doanh nghiệp

- **VVS:** Q1/26 doanh thu thuần đạt hơn 2.750 tỷ đồng (+142% SVCK), LNTT đạt 208 tỷ đồng (gấp 6,4 lần SVCK), LNST đạt 166,5 tỷ đồng (+539% SVCK).
- **FLC:** Năm 2025 đạt doanh thu gần 2.500 tỷ đồng, tập trung tái khởi động và đẩy mạnh các dự án bất động sản, nghỉ dưỡng và hàng không.
- **CTR:** Viettel Construction dự kiến phát hành hơn 13,7 triệu cổ phiếu (tỷ lệ 100:12) để trả cổ tức 2025, nguồn từ LNST chưa phân phối, nâng vốn điều lệ trong năm 2026.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

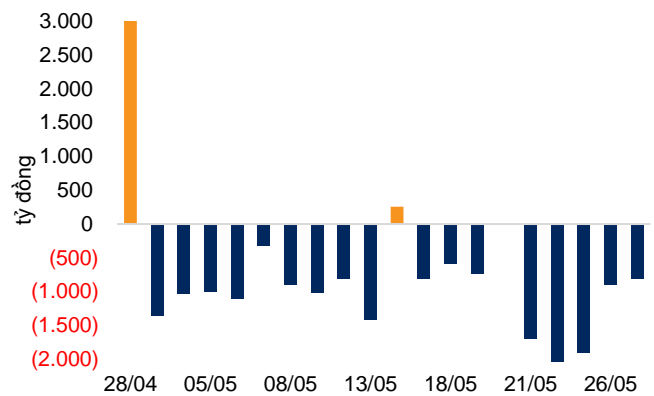
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 26/05/2026	Mỹ	Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tháng 5.2026
Thứ Năm, 28/05/2026	Mỹ	Số liệu chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 4.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



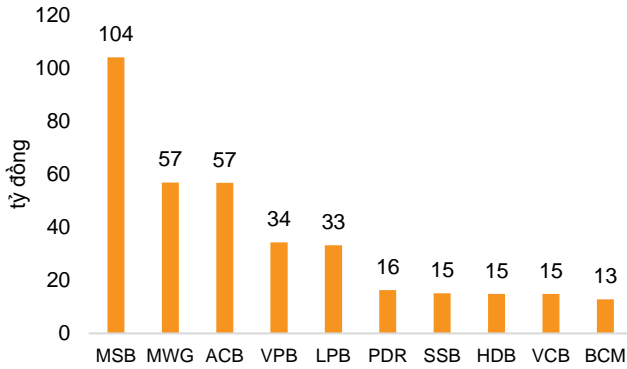
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



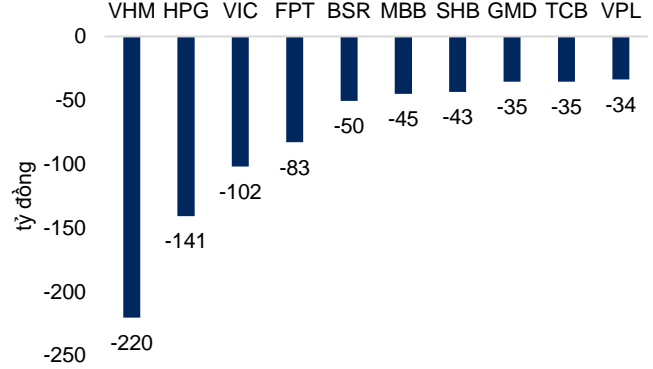
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



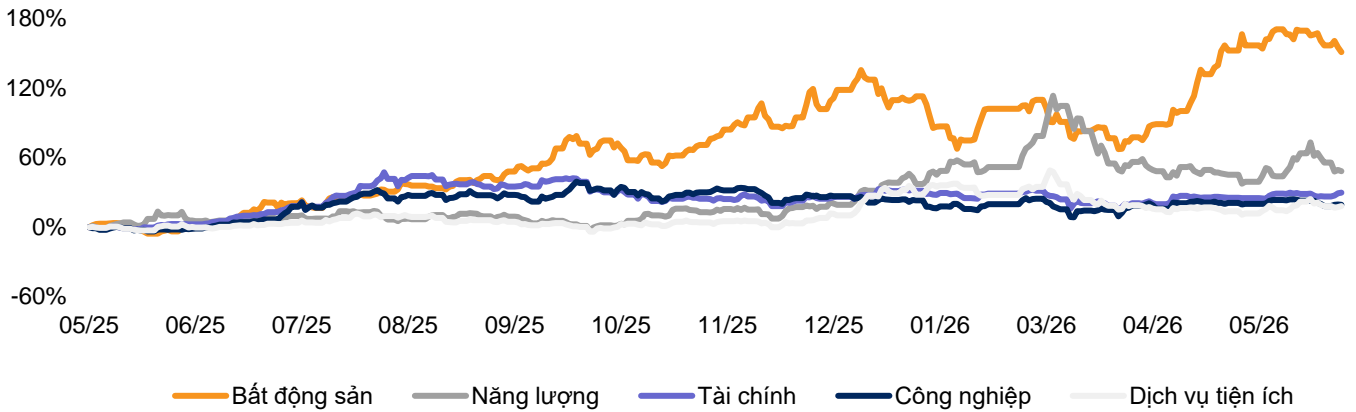
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-1,2%	3,1%	19,8	1,6	-10,8%	2,2%	161.761	1,4%	17.878	0,7%	6,1%
Ấn Độ	NSE500 Index	0,2%	-3,8%	24,8	3,2	14,4%	1,2%	10.970	6,8%	-23.669	-1,6%	-10,8%
Indonesia	JCI Index	-1,2%	-29,1%	14,5	1,6	11,8%	4,2%	946	6,7%	-2.676	-3,3%	-8,5%
Singapore	FSTAS Index	-0,8%	8,1%	17,5	1,5	9,3%	4,4%	1.572	1,7%	1.146	-0,2%	0,9%
Malaysia	FBME Index	-0,5%	2,5%	16,6	1,4	8,3%	3,8%	728	3,4%	26	-0,4%	6,9%
Philippines	PCOMP Index	-0,5%	-3,4%	7,9	0,5	6,0%	3,9%	96	5,8%	-107	-1,4%	-9,8%
Thái Lan	SET Index	1,1%	24,7%	12,8	1,4	8,8%	4,3%	1.929	1,7%	707	-0,7%	0,6%
Việt Nam	VN-Index	-0,5%	5,0%	15,4	2,1	15,1%	1,4%	880	4,1%	-2.295	0,1%	-1,6%

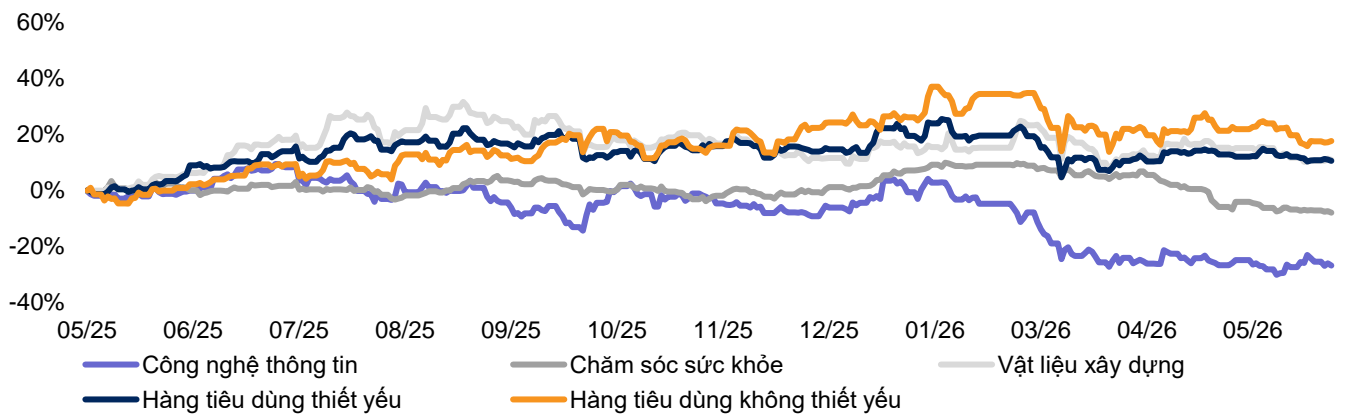
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



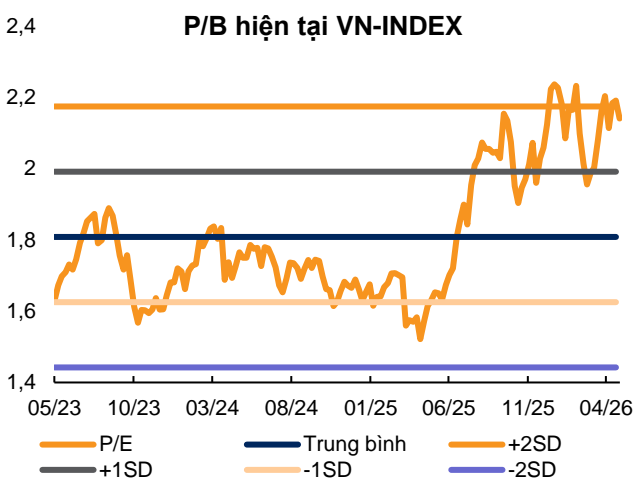
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



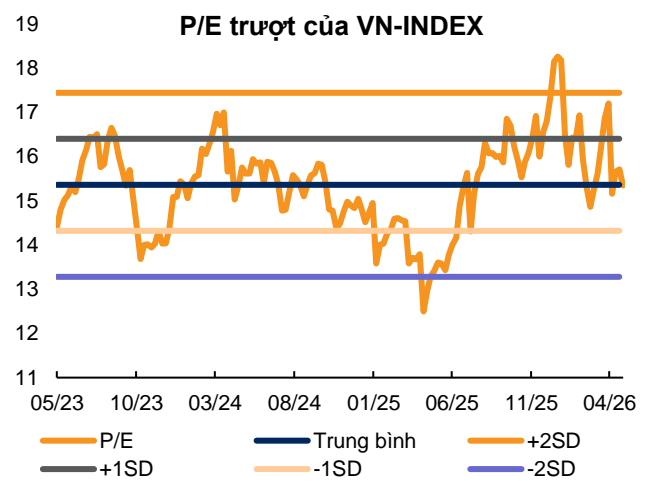
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



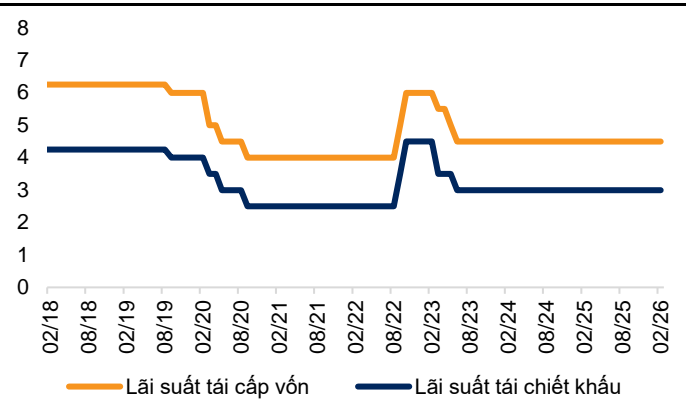
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,07	0,1	0,3	25,1	64,2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	7,78	38,2	99,5	371,5	87,5
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,59	0,1	10,3	-8,0	74,5
USD/VND	26.333	0,0	0,1	-0,1	-1,6
DXY	99,07	-0,1	0,6	0,8	-0,4
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,46	-0,5	2,8	7,1	0,4
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,06	-0,6	6,2	14,8	3,3

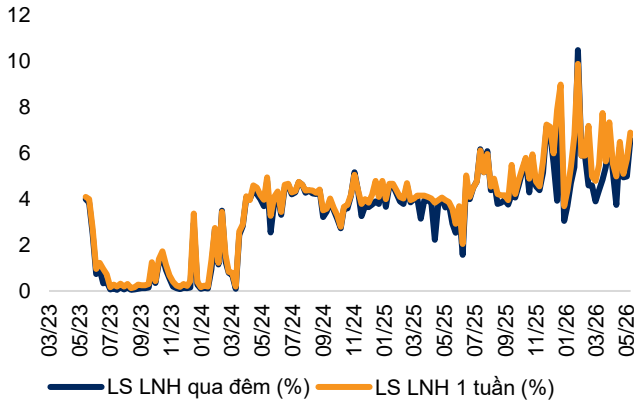
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



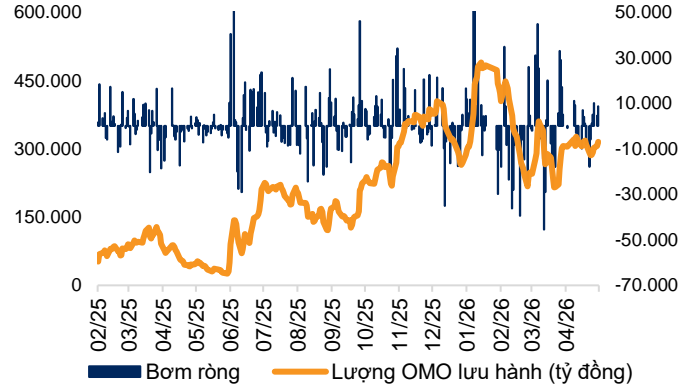
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



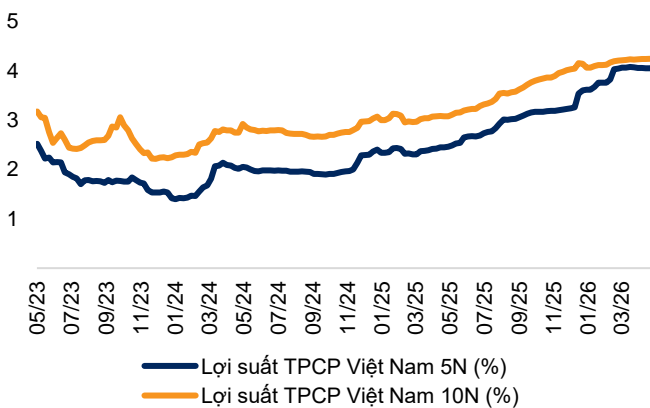
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUÁ KÈNH OMO



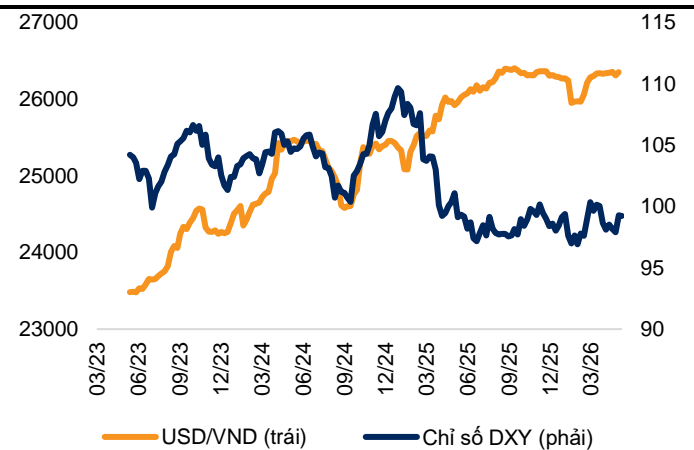
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	-3,8%	-6,3%	48,3%
Brent Crude	-3,1%	-10,8%	50,6%
JKM LNG	-1,1%	8,5%	59,2%
Henry Hub LNG	-2,0%	5,9%	40,6%
NW Thermal Coal	6,2%	22,0%	6,2%
Singapore Platt FO	0,0%	4,4%	56,9%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	-0,3%	-4,0%	36,0%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	0,5%	-0,1%	128,2%
Bạch kim	-0,5%	-2,0%	79,9%

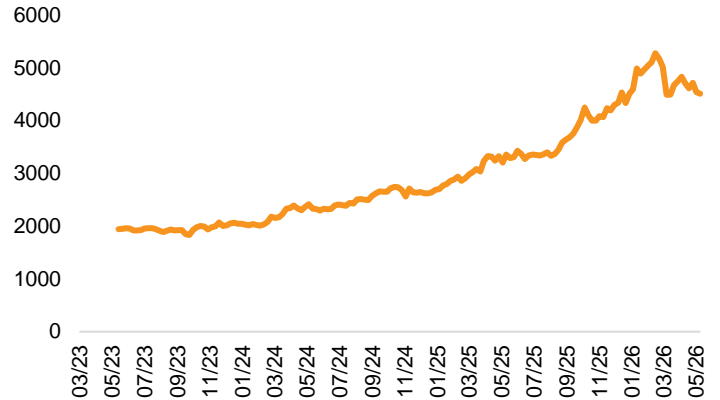
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	2,5%	613,4%
Đồng	0,9%	6,6%	36,3%
Nhôm	0,7%	1,5%	51,2%
Niken	0,3%	-0,3%	21,8%
Kẽm	-0,5%	1,6%	9,4%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	2,2%	-2,2%
Quặng sắt	-0,4%	-1,3%	7,2%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,2%	20,8%	-2,6%
Arabica	0,7%	-9,3%	-23,7%
Đường	-1,4%	3,7%	-16,7%
Cacao	1,4%	31,4%	-56,6%
Dầu cọ	0,5%	-2,6%	NA
Bông	-1,0%	-1,0%	16,8%
Sữa bột	-0,1%	0,2%	-9,2%
Lúa mì	-1,3%	0,9%	18,6%
Đậu tương	0,1%	0,8%	11,7%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	-1,5%	1,8%	20,4%
Urê	-5,7%	-18,8%	66,4%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	0,4%	1,9%	-2,2%
Gia súc	-0,4%	0,0%	15,0%

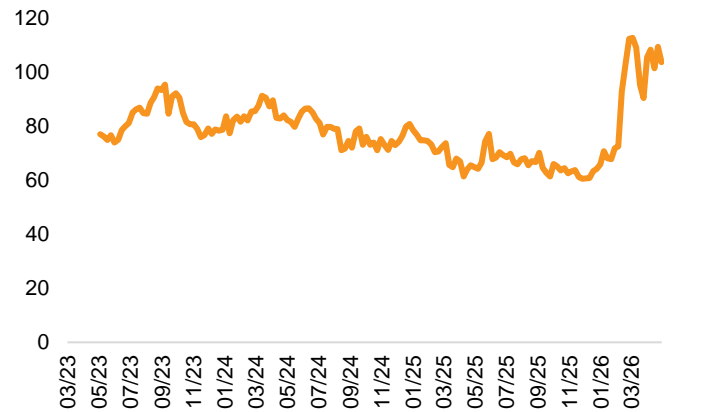
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



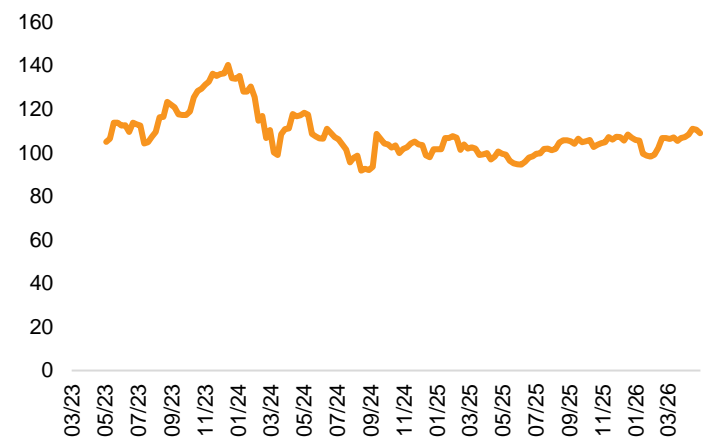
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5.972	1,9	2.819	43.900	73.300	68,2%	1,2%	14,7	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	20,0%	1,4%	11,0	4,7	47%
HVN	2.576	1,1	559	21.800	43.400	101,9%	2,9%	8,6	11,4	
VJC	3.866	8,3	916	172.100	113.600	-33,4%	0,6%	39,6	3,9	11%
Bán lẻ										
BAF	400	2,6	189	34.650	37.200	7,4%		54,7	2,6	4%
DGW	350	3,4	91	41.700	49.600	21,3%	2,4%	14,3	2,5	19%
FRT	847	2,3	148	131.000	150.300	15,0%	0,3%	24,4	5,0	28%
MCH	6.499	2,1		132.200	147.000	12,7%	1,5%	25,0	10,0	42%
MWG	4.461	23,0	7	80.000	96.300	21,6%	1,3%	14,4	3,3	25%
PNJ	1.269	5,0	325	65.300	109.900	69,3%	1,0%	9,6	2,3	28%
QNS	681	0,3	277	48.800	53.400	13,5%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.326	1,5	965	47.750	59.900	31,7%	6,3%	13,1	2,7	21%
VHC	464	2,3		58.300	71.300	25,7%	3,4%	8,8	1,3	16%
VNM	4.667	11,9	2.391	58.800	74.800	32,1%	4,8%	13,4	3,7	28%
Tài chính										
ACB	4.916	13,3	254	25.200	31.300	27,7%	3,5%	8,0	1,3	18%
BID	11.971	13,5	1.485	43.300	47.200	10,0%	1,0%	9,9	1,7	18%
CTG	10.427	13,0	510	35.350	49.000	39,5%	0,9%	7,2	1,5	22%
HDB	5.075	13,5	265	26.700	39.500	50,3%	2,4%	7,3	1,7	25%
LPB	6.126	2,9	245	54.000	33.400	-32,6%	5,6%	14,4	3,3	23%
MBB	7.770	18,9	46	25.400	32.900	31,5%	2,0%	7,4	1,4	21%
STB	4.890	21,2	880	68.300	45.700	-32,2%	0,9%	16,8	2,1	8%
TCB	9.055	16,1	20	33.650	40.300	21,8%	2,1%	9,2	1,3	16%
TPB	1.712	6,7	107	16.250	17.800	15,4%	5,9%	6,1	1,0	18%
VCB	20.371	20,4	1.986	64.200	69.300	8,6%	0,7%	14,9	2,3	16%
VIB	2.159	4,1	5	16.700	23.600	46,7%	5,4%	7,5	1,2	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.451	16,8	462	28.050	37.100	34,0%	1,8%	8,5	1,3	16%
Dệt may										
MSH	148	0,5	63	34.550	40.600	20,4%	2,9%	6,3	2,0	33%
TCM	95	1,0	2	21.200	29.800	42,8%	2,2%	10,8	1,0	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.177	1,4	722	55.400	68.600	25,8%	2,0%	17,1	2,6	16%
GMD	1.213	5,4	92	74.900	72.000	-0,9%	2,9%	18,3	2,3	13%
HAH	351	4,0	66	54.700	55.400	2,7%	1,4%	7,6	2,0	27%
VSC	293	6,0	140	20.600	19.100	-4,9%	2,4%	28,2	1,5	6%
IDC	624	4,0	203	43.300	45.600	8,8%	3,5%	8,8	2,4	31%
KBC	1.100	4,7	447	30.750	30.000	-1,2%	1,2%	18,7	1,2	7%
PHR	347	1,1	122	67.500	68.400	3,3%	2,0%	13,8	2,1	16%
VTP	439	1,8	197	66.800	129.200	94,6%	1,2%	31,7	6,3	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	689	10,9	303	47.750	128.300	175,0%	6,3%	7,4	1,2	17%
HPG	7.743	38,8	2.088	24.150	30.000	26,1%	1,9%	9,7	1,5	16%
Dầu khí										
BSR	5.372	20,9	2.541	28.250	16.700	-39,4%	1,5%	10,8	2,1	21%
GAS	7.468	8,9	3.503	81.500	78.400	-1,3%	2,5%	17,0	2,8	18%
OIL	581	4,1	37	14.800	14.800	1,7%	1,7%	43,1	1,5	3%
PLX	1.903	10,6	105	39.450	47.700	24,0%	3,0%	30,6	2,0	7%
PVD	636	8,4	255	30.150	32.600	16,4%	8,3%	14,3	1,0	7%
PVS	748	11,9	251	38.500	41.800	10,3%	1,7%	10,2	1,3	13%
PVT	394	9,7	140	22.100	23.400	6,9%	1,0%	9,1	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	675	9,4	304	26.150	22.700	-9,9%	3,3%	15,5	1,5	11%
DCM	817	9,3	321	40.650	40.000	3,3%	4,9%	10,5	1,9	19%
DDV	146	1,6	67	26.400	39.700	53,8%	3,4%	6,1	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	66	0,6	32	21.600	34.100	60,2%	2,3%	#N/A N/A	1,3	9%
Điện										
POW	1.637	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	338	2,8	108	24.050	37.400	57,6%	2,1%	13,4	1,3	10%
PC1	306	8,9	119	19.600	26.500	35,2%	0,0%	8,0	1,2	17%
REE	1.261	3,0	0	53.300	76.600	45,3%	1,6%	12,6	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	644	10,4	190	15.250	18.300	33,1%	13,1%	71,7	1,2	2%
KDH	980	4,5	239	23.000	41.800	83,0%	1,3%	23,0	1,4	6%
NLG	486	3,4	49	26.400	42.200	61,6%	1,7%	19,5	1,0	6%
VHM	22.991	29,7	9.720	147.400	93.600			9,3	2,3	28%
VRE	2.697	8,4	977	31.250	32.000	5,8%	3,4%	10,3	1,4	15%
Công nghệ										
FPT	4.761	33,0	974	73.600	118.200	62,0%	1,4%	12,9	3,2	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA